



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Số: *72* GGT-DHHL

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận Q3.2020 so với Q3.2019, lợi nhuận trước thuế giảm.

No.: *72* GGT-DHHL

Regarding explaining the reason for profit difference between Q3.2020 vs. Q3.2019, profit before tax decreased.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2020
Hai Phong Oct 20th, 2020

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận Quý 3 năm 2020 so với Quý 3 năm 2019 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between Q3.2020 vs. Q3.2019 from the Statement on profit and loss of Company and consolidated as follows:

Báo cáo Công ty mẹ/ Parent company Statement:

DVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2020/ Quarter III.2020	Quý III.2019/ Quarter III.2019	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	112.713	102.049	10.664	10%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	0.828	1.076	(0.248)	-23%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	111.885	100.973	10.912	11%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold, and services rendered	84.922	73.786	11.135	15%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	26.963	27.187	(0.223)	-1%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.016	0.096	(0.080)	-83%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1.083	0.802	0.281	35%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	0.935	0.802	0.132	16%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	19.039	16.827	2.212	13%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	4.709	6.196	(1.488)	-24%



Chỉ tiêu	Item	Quý III.2020/ Quarter III.2020	Quý III.2019/ Quarter III.2019	CHÈNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	2.149	3.456	(1.308)	-38%
11. Thu nhập khác	Other income	0.014	2.555	(2.541)	-99%
12. Chi phí khác	Other expenses	0.176	-	0.176	
13. Lợi nhuận khác	Other profit	(0.162)	2.555	(2.717)	-106%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Net profit before tax	1.987	6.011	(4.025)	-67%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	0.395	-	0.395	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Net profit after tax	1.591	6.011	(4.420)	-74%

Báo cáo hợp nhất/ Consolidated statement.

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2020/ Quarter III.2020	Quý III.2019/ Quarter III.2019	CHÈNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	188.709	146.563	42.147	29%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	0.830	1.086	(0.256)	-24%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	187.880	145.476	42.403	29%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	154.820	111.283	43.537	39%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	33.059	34.193	(1.134)	-3%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.708	0.318	0.390	123%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1.693	1.133	0.560	49%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1.223	1.050	0.174	17%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	21.089	18.230	2.859	16%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	6.597	8.673	(2.076)	-24%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	Operating profit	4.388	6.475	(2.087)	-32%
11. Thu nhập khác	Other income	0.152	2.598	(2.445)	-94%

44752-C
C. TY
PHÂN
P. HẠ LỢN
NG. CANFOC
YÊN-TP. H.

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2020/ Quarter III.2020	Quý III.2019/ Quarter III.2019	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.177	0.023	0.154	669%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	<i>Other profit</i>	(0.024)	2.575	(2.599)	-101%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	<i>Net profit before tax</i>	4.363	9.049	(4.686)	-52%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	0.848	0.241	0.607	252%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	<i>Net profit after tax</i>	3.515	8.808	(5.293)	-60%

Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ Quý 3 năm 2020 là lãi 1,98 tỷ, tức là giảm 4 tỷ, tương ứng giảm 67% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là trong Quý 3 năm 2020 Công ty phát triển các kênh bán hàng mới doanh thu bán hàng tăng 10% nhưng chi phí bán hàng tăng 13% do chi phí khuyến mại hỗ trợ khách hàng, trong khi quản lý doanh nghiệp giảm 24% so với năm 2019 nhưng giá vốn hàng bán tăng 15% do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nên lợi nhuận đạt 1,98 tỷ trước thuế và 1,59 tỷ sau thuế.

The net profit before tax of parent company in Quarter III.2020 achieved 1,98 billion, decreased 4 billion, equivalent to 67% compared with the same period in 2019. The explanation for this is the sales revenue in Quarter III.2020 Company developed new sales channels, revenue increased 10% but selling expenses increased 13% due to promotion costs to support customers, while administration Expenses decreased 24% compared to 2019, but cost of goods sold increased by 15% due to increased raw material prices, so the profit reached 1.98 billion before tax and 1.59 billion after tax.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Quý 3 năm 2020 đạt 4,3 tỷ, giảm 4,6 tỷ, tương ứng giảm 52% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng 29% tương ứng với giá vốn tăng 29% cả doanh thu nội địa và doanh thu xuất khẩu cùng với việc kiểm soát chi phí chặt chẽ nên chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 24%, nhưng chi phí khuyến mại, hỗ trợ khách hàng tăng nên chi phí bán hàng tăng 16%. Kết quả kinh doanh Quý 3 năm 2020 là lãi 4,3 tỷ trước thuế và 3,5 tỷ sau thuế.

The net profit before tax of consolidated report of Quarter III.2020 achieved 4,3 billion, decreased 4,6 billion, equivalent to 52% compared with the same period in 2019. The explanation for this is due to revenue increased 29% and cost of goods sold increased 29% both domestic and export sales. And company controlled tightly cost, administrative expenses decreased by 24%, but promotion costs, trade, customer support increased, so selling expenses increased by 16%. So profit before tax of Quarter III 2020 achieved 4,3 billion and 3,5 billion profit after tax.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HA LONG



TỔNG GIÁM ĐỐC
KBK CHIN ANN